

Bản án số **10/2020/DS-PT**
Ngày 14/02/2020
V/v tranh chấp chia tài sản
chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Kim Rết;

Các Thẩm phán: Bà Hoàng Thị Thu Minh

Bà Võ Thị Thanh Phượng

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai: Bà **Vũ Thị Hồng Uyên**

- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 11 và 14 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 42/2019/TLPT-DS ngày 28 tháng 2 năm 2019 về việc “*tranh chấp chia tài sản chung*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 120/2018/DS-PT ngày 29/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 230/2019/QĐ-PT ngày 05 tháng 12 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 06 /2020/QĐ-PT ngày 17/01/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Mai Tấn C, sinh năm 1968.

Địa chỉ: tổ X, khu Y, ấp Z, xã A2, TP. B1, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện theo ủy quyền: bà Lê Thị Th (văn bản ủy quyền ngày 06/10/2018)

2. Bị đơn: Ông Mai Tấn Đ, sinh năm 1970 (em ruột ông C).

Địa chỉ thường trú: Đường LQ, phường E, quận T5, TP. Hồ Chí Minh.

Địa chỉ tạm trú: Khu phố 4, phường L2, TP. B1, tỉnh Đồng Nai.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của bị đơn: ông Nguyễn Đức Đ1 – Luật sư, Đoàn luật sư tỉnh Đồng Nai

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Bà Mai Thị Kim Th1, sinh năm 1956.

Địa chỉ: tổ X, khu Y, ấp Z, xã A2, TP. B1, tỉnh Đồng Nai.

3.2 Bà Mai Thị D, sinh năm 1956.

Địa chỉ: tổ X, khu Y, ấp Z, xã A2, TP. B1, tỉnh Đồng Nai.

3.3 Bà Mai Thị T1, sinh năm 1962.

Địa chỉ: tổ X, khu Y, ấp Z, xã A2, TP. B1, tỉnh Đồng Nai.

3.4 Ông Mai Tấn Tr, sinh năm 1964.

Địa chỉ: tổ X, khu Y, ấp Z, xã A2, TP. B1, tỉnh Đồng Nai.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của ông Mai Tấn Tr là: ông Trương Tiến D1, sinh năm 1957, Văn phòng Luật sư Trương Tiến D, Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Nai.

3.4 Bà Mai Thị Ngọc Đ2, sinh năm 1965.

Địa chỉ: đường N2, phường N3, quận T5, TP. Hồ Chí Minh.

(Bà Th1, bà D, bà T1, ông Đ1 ủy quyền cho ông Tr theo văn bản ủy quyền ngày 22/3/2016).

3.5 Bà Nguyễn Thị Minh Tr1, sinh năm 1975

Địa chỉ: 10/8, Đường LQ, phường E, quận T5, TP. Hồ Chí Minh.

(Bà Tr1 ủy quyền cho ông Mai Tấn Đ theo văn bản ủy quyền ngày 04/4/2016).

3.6 Bà Phan Thị Mỹ Y, sinh năm 1961; anh Mai Thành V, sinh năm 1991, anh Mai Thành Qu, sinh năm 1995.

Địa chỉ: tổ X, khu Y, ấp Z, xã A2, TP. B1, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện theo ủy quyền của bà Phan Thị Mỹ Y, anh Mai Thành V, anh Mai Thành Qu là: ông Mai Tấn Tr, sinh năm 1964, địa chỉ: số 532, tổ X, khu Y, ấp Z, xã A2, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai (theo văn bản ủy quyền ngày 11/10/2016).

7. Người kháng cáo: Ông Mai Tấn Tr.

Địa chỉ: tổ X, khu Y, ấp Z, xã A2, TP. B1, tỉnh Đồng Nai.

8. Viện kiểm sát nhân dân kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo án sơ thẩm nội dung vụ án được tóm tắt như sau

- *Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Mai Tấn C, bà Lê Thị Th trình bày:*

Gia đình ông C có 7 anh chị em gồm: bà Mai Thị Kim Th1, bà Mai Thị D, bà Mai Thị T1, ông Mai Tấn Tr, bà Mai Thị Ngọc Đ2, ông Mai Tấn C và ông Mai Tấn Đ (là bị đơn). Cha là ông C chết trước năm 1975, mẹ ông C là bà Nguyễn Thị Đ3 chết năm 1985; ông bà ngoại cũng chết trước năm 1975.

Vào năm 1980, bà Nguyễn Thị Đ3 (mẹ của nguyên đơn, bị đơn) có mua 6.488m² đất tại xã A2, thành phố Biên Hòa của bà Nguyễn Thị Nh1 (hiện bà Nh1 đã chết). Đến năm 1985, bà Đ3 chết, trước khi chết bà Đ3 để lại diện tích đất trên.

Vào năm 2013, trong ngày giỗ của mẹ ông C, ông Đ nói với tất cả anh chị em trong nhà là ông Đ đã ra UBND xã H3 kê khai diện tích đất trên. Đến ngày 28/9/1999, UBND huyện Long Thành đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Đ gồm hai thửa: thửa 2970, tờ bản đồ 02 (diện tích 4450m²); thửa 235, tờ bản đồ 02 (diện tích 2038m²). Ông Đ đã sang nhượng thửa đất số 2970, tờ bản đồ 02 cho bà Nhìn Sám M1 vào ngày 14/2/2005, hiện còn lại thửa đất 235 tờ bản đồ 02 ((nay là thửa 52, tờ bản đồ 15 xã A2).

Do ông C và các anh chị em ông C có cuộc sống riêng nên việc ông C tự ý đi kê khai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất các anh chị em ông C hoàn toàn không biết. Sau khi biết sự việc anh chị em ông C khuyên nhủ ông Đ sang nhượng lại diện tích đất trên cho ông C vì sợ ông Đ bán phần diện tích còn lại, nhưng ông Đ không nghe.

Nay ông C khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Đ phân chia diện tích đất còn lại của thửa 235, tờ bản đồ 02 (nay là thửa 52, tờ bản đồ 15 xã A2) có diện tích 2038m² cho các anh em ông C theo quy định pháp luật. Đối với thửa đất số 2970, tờ bản đồ 02 có diện tích 4450m² ông Đ đã sang nhượng cho bà Nhìn Sám M1 ông C không yêu cầu giải quyết.

** Bị đơn ông Mai Tấn Đ trình bày:*

Về quan hệ gia đình gồm: cha, mẹ và các anh em trong gia đình như ông C trình bày là đúng.

Diện tích đất 2038m² thuộc thửa đất 235, tờ bản đồ 02 (nay là thửa 52, tờ bản đồ 15 xã A2) là đất của Mẹ ông sang nhượng lại của bà Nh1; diện tích đất 4450m² thuộc thửa đất 2970, tờ bản đồ số 02 là đất do cha mẹ ông tự khai phá trước năm 1975 và được UBND huyện Long Thành chấp thuận cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 1993.

Năm 1994 ông được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới có số B715429 do UBND huyện Long Thành cấp ngày 25/4/1994. Trong đó, 2038m² thuộc (thửa đất 235, tờ bản đồ 02), 4450m² (thuộc thửa đất 2970, tờ bản đồ số 02).

Vào năm 1996 vì canh tác trồng lúa không có hiệu quả nên ông bỏ hoang không canh tác nữa trên diện tích 4450m².

Vào năm 1999 UBND huyện Long Thành lại cấp sổ mới cho ông thửa đất 235, tờ bản đồ 02 diện tích 2038m² (là thửa đất tranh chấp); Riêng thửa đất 2970 tờ bản đồ số 02 diện tích 4450m² ông sang nhượng lại cho bà Nhìn Sám M1. Việc sang nhượng này gia đình ông C có biết nhưng không phản đối.

Vào năm 2010, xã A2 được nhập vào thành phố Biên Hòa, ông xin đăng ký lại theo quy định và được cấp giấy chứng nhận số BC781635 cấp ngày 21/9/2010 là thửa đất số 52, tờ bản đồ 15 diện tích là 2516m². Quá trình sử dụng đất trên ông đều nộp đầy đủ các loại thuế theo quy định của nhà nước.

Ông Đ không đồng ý yêu cầu của nguyên đơn và những người liên quan về việc chia tài sản chung là thửa đất số 52, tờ bản đồ 15 diện tích là 2516m².

- *Người có quyền nghĩa vụ liên quan ông Mai Tấn Tr và đại diện cho bà Th1, bà D, bà T1, bà Đ2 trình bày:*

Ông thống nhất với ý kiến trình bày của đại diện ông C, ông đề nghị buộc ông Đ phân chia diện tích đất còn lại tại thửa 235, tờ bản đồ 02 (nay là thửa 52, tờ bản đồ 15) có diện tích 2038m² cho các anh của ông theo quy định pháp luật. Đối với thửa đất số 2970, tờ bản đồ 02 có diện tích 4450m² ông Đ đã sang nhượng cho bà Nhìn Sám M1 ông không yêu cầu giải quyết.

- *Người có quyền nghĩa vụ liên quan bà Y; anh V, anh Qu trình bày:* thống nhất với ý kiến ông Tr.

- Tại Bản án số 120/2018/DS-PT ngày 29/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa đã tuyên xử:

Căn cứ Khoản 3 điều 26, Điều 203, Điều 220, Khoản 3 Điều 228, và Điều 266 của Bộ Luật tố tụng dân sự; Áp dụng Bộ Luật dân sự năm 2005; Nghị quyết số 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10 tháng 8 năm 2004.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện ông Mai Tấn C về việc yêu ông Mai Tấn Đ phân chia tài sản chung tại thửa 235, tờ bản đồ 02 (nay là thửa 52, tờ bản đồ 15) có diện tích 2038m² theo quy định pháp luật.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo theo luật định.

- Ngày 13/12/2018, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa ban hành kháng nghị số 36/QĐ – KNPT – DS ngày 13/12/2018, kháng nghị bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm hủy án sơ thẩm, lý do: bản án bỏ sót tư cách tố tụng của đương sự, thu thập chứng cứ chưa đầy đủ.

- Ngày 14/12/2018, người liên quan ông Mai Tấn Tr kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, ông yêu cầu Tòa án cấp sơ thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung của ông và các anh chị em. Tại phiên tòa ông thay đổi yêu cầu, đề nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

- Luật sư bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho người liên quan ông Mai Tấn Tr trình bày: đề nghị Hội đồng xét xử hủy toàn bộ bản án sơ thẩm với lý do: bản án sơ thẩm bỏ sót tư cách tố tụng, thu thập chứng cứ chưa đầy đủ.

- Luật sư bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bị đơn ông Nguyễn Đức Đ1 trình bày: Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa đã xét xử khách quan và đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Mai Tấn Tr, không chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

-*Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa:*

+ Về việc tuân theo pháp luật của thẩm phán: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Các đương sự trong vụ án đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình được pháp luật quy định

+ Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình tại phiên tòa.

+ Về việc giải quyết kháng cáo, kháng nghị:

Nguồn gốc đất là của bà Đ3 chết để lại không có di chúc, Ông Đ khai bà Đ3 cho ông Đ toàn bộ diện tích đất trên nhưng không có chứng cứ để chứng minh. Ngày 09/12/2014, ông Mai Tấn C làm đơn khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung. Ngày 08/02/2015, Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa thụ lý vụ án, thời điểm này Bộ luật dân sự năm 2015 chưa có hiệu lực thi hành nên nguyên đơn ông C khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung có nguồn gốc của mẹ là Đáng để lại là có cơ sở.

Khi ông Đ đi kê khai và được cấp giấy CNQSD đất thì các anh chị em trong gia đình không biết. Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa không tiến hành thu thập tài liệu, thủ tục xin cấp giấy chứng nhận QSD đất để đưa UBND huyện Long Thành vào tham gia tố tụng là thiếu sót. Tại cấp phúc thẩm qua xem xét thẩm định tại chỗ cho thấy trên đất có 04 căn nhà nhưng chưa được cấp sổ thẩm xem xét làm rõ. Diện tích đất tranh chấp trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cũng như ngoài thực tế chênh lệch nhau mà tại cấp phúc thẩm không thể khắc phục được.

Xét thấy, việc Tòa án cấp sơ thẩm thu thập chứng cứ chưa đầy đủ, thiếu thành phần tham gia tố tụng, bác yêu cầu chia tài sản chung của ông C là không đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của ông C, vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

* Đối với quyết định kháng nghị phúc thẩm của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa:

Như trên đã phân tích bản án sơ thẩm nêu trên có vi phạm về bỏ sót tư cách tố tụng của đương sự; về đường lối giải quyết vụ án chưa đảm bảo tính khách quan, Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa là có cơ sở. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm để xét xử lại vụ án theo đúng quy định của pháp luật. Về nội dung xác minh thời gian ông Đ kết hôn là không cần thiết nên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh rút một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa đối với nội dung này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng:

- Đơn kháng cáo của đương sự, kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tuân thủ luật định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của ông Mai Tấn Tr, kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa

{2.1}. Về tư cách tố tụng: vụ án này là tranh chấp chia tài sản chung, trong đó thửa đất đang tranh chấp bị đơn là ông Đ thừa nhận của mẹ ruột là bà Đ3 để lại. Ông Đ khai được mẹ cho (nói miệng không có giấy tờ) nên ông đi kê khai và được UBND huyện Long Thành cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (CNQSDĐ). Tại thời điểm ông Đ kê khai để cấp giấy GCNQSDĐ, ông Đ thừa nhận có căn nhà của mẹ ông và căn nhà của anh ruột là ông Tr đang ở trên đất. Lẽ ra Tòa án phải đưa UBND có thẩm quyền vào tham gia tố tụng để xem xét việc cấp giấy có đúng trình tự thủ tục hay không, Tòa án không đưa UBND vào tham gia tố tụng là bỏ sót tư cách tố tụng.

2.2 Về thu thập chứng cứ: tại cấp phúc thẩm, qua xem xét thẩm định tại chỗ (BL 324- 326), trên phần đất đang tranh chấp có một số tài sản chưa được cấp sơ thẩm xem xét làm rõ gồm: 01 (một) căn nhà bỏ trống (theo ông Tr đó là nhà cũ của ông); 01 (một) căn nhà hiện do bà Th1 (là người liên quan) đang sinh sống; điện thờ, nhà ngang dùng để thờ, am thờ.. hiện do ông C đang quản lý. Riêng 01 (một) căn nhà do bà Đ3 để lại hiện ông C đang quản lý, Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ phần nào của bà Đ3 để lại, phần nào ông C mới xây dựng, các anh em trong gia đình có ý kiến gì về phần tài sản này hay không làm cơ sở giải quyết vụ án.

Thửa đất tranh chấp là thửa đất 235, tờ bản đồ 02 diện tích ban đầu là **2038m²**. Sau đó ông Đ đi kê khai cấp đổi thửa mới là thửa 52, TBD 15 có diện tích **2516m² (tăng 478 m²)**, Ông Đ khai tại cấp phúc thẩm là do ông mua thêm đất của vợ chồng ông Võ Văn Thanh và bà Phạm Thị Phê (kèm theo chứng cứ là “giấy nhượng lại căn nhà”). Còn ông Tr cho rằng tờ giấy này là do ông viết, ông Đ chỉ mua nhà chứ đất là do mẹ ông để lại, như vậy giữa 2 lần kê khai cấp, cấp đổi GCNQSDĐ đối với thửa đất tranh chấp diện tích chênh lệch tăng 478 m² là do đương sự chuyển nhượng hay chênh lệch giữa các lần đo vẽ chưa được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét làm rõ.

Như vậy Tòa án cấp sơ thẩm bỏ sót tư cách tố tụng của đương sự; việc thu thập chứng cứ chưa đầy đủ làm căn cứ giải quyết vụ án mà tại cấp phúc thẩm không thể khắc phục được. Do vậy chấp nhận ý kiến của Luật sư bảo vệ cho người liên quan ông Mai Tấn Tr, chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, hủy toàn bộ án sơ thẩm, giao hồ sơ về Tòa án cấp sơ thẩm để giải quyết lại vụ án theo thủ tục chung.

[3] Về án phí, chi phí tố tụng: Do vụ án bị hủy nên án phí và chi phí tố tụng sẽ được giải quyết khi Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

[4] Quan điểm và đề nghị của Luật sư bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho người liên quan đề nghị hủy án sơ thẩm phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Quan điểm và đề nghị của Luật sư Đ1 bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bị đơn đề nghị y án sơ thẩm không phù hợp với nhận định trên nên không được chấp nhận.

[6] Quan điểm và đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Mai Tấn Tr.

- Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa.

Phần tuyên xử:

1. Hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm 120/2018/DS-PT ngày 29/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa xét xử về việc “Tranh chấp chia tài sản chung” giữa nguyên đơn ông Mai Tấn C với bị đơn ông Mai Tấn Đ; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa để xét xử sơ thẩm lại vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

2. Về án phí, chi phí tố tụng:

- Án phí sơ thẩm: án phí sơ thẩm và chi phí tố tụng sẽ được quyết định khi Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

- Án phí phúc thẩm: ông Mai Tấn Tr không phải chịu án phí phúc thẩm, ông Tr được nhận lại số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0003586 ngày 21/12/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Nai (1);
- VKSND thành phố Biên Hòa(1);
- TAND thành phố Biên Hòa (2);
- Chi cục THADS TP. B1(1);
- Đường sự (5);
- Tòa Dân sự(1);
- Lưu hồ sơ vụ án(1);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký tên và đóng dấu)

Bùi Kim Rết